

## Bối cảnh cuộc chiến tranh Việt Nam trước Tết 1968

Nguyễn Đình Lê\*

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội*

Nhận ngày 30 tháng 12 năm 2007

**Tóm tắt.** Vào cuối năm 1967, nhân dân miền Nam đã đánh bại các đợt phản công trong 2 mùa khô của hơn nửa triệu quân Hoa Kỳ. Trên chiến trường miền Nam, quân đội Viễn chinh đã ở vào ngõ cụt và tướng Westmorland đã “hết kế hoạch” tác chiến và dư luận Hoa Kỳ cho rằng ông ta không biết làm điều gì hơn là xin tăng viện và tăng viện!

Trong khi đó, các chiến dịch ném bom bắn phá miền Bắc của Hoa Kỳ dù đã sử dụng gần 1 ngàn tấn bom đạn mỗi ngày và số bom đạn Hoa Kỳ sử dụng trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất đã tăng từ 300.000 tấn năm 1965 lên 1 triệu tấn năm 1966 và 2 triệu tấn vào năm 1967 nhưng mọi ý đồ của Hoa Kỳ hòng đánh phá miền Bắc đã thất bại. Hoa Kỳ không thể ngăn chặn được chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

Trong nước, phong trào phản chiến của các tầng lớp nhân dân Mỹ lên cao. Thất bại trên chiến trường Việt Nam đã làm nước Mỹ bị chia rẽ sâu sắc. Sự kiện Bộ trưởng Quốc phòng Macnamara với chủ trương xuống thang chiến tranh ở Việt Nam đã gây bất đồng với đối sách của Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân và vì thế từ chức là biểu hiện sinh động sự bất đồng về chính sách đối với Việt Nam trong hàng ngũ quan chức cao cấp của Nhà Trắng và Lầu Năm góc.

Vào cuối năm 1967, Hoa Kỳ đang cố gắng kiểm chế cuộc chiến ở Việt Nam vì thời gian bầu cử Tổng thống sắp đến.

Tất cả những điều vừa nêu trên là bối cảnh lịch sử khái quát về tình hình chiến trường Việt Nam trước Tổng tiến công nổi dậy 1968. Đó là cơ sở để nhân dân Việt Nam mở cuộc tiến công sôi động bắt đầu từ mùa Xuân 1968 lịch sử.

Cách đây 40 năm về trước, cuộc chiến đã lên đỉnh cao. Giữa đỉnh điểm đó, cuộc tiến công của quân và dân ta ở miền Nam đã giáng đòn chí mạng vào âm mưu xâm lược của Hoa Kỳ. Sự kiện tiến công năm 1968 đã đi vào lịch sử cả hai phía - cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Hoa Kỳ và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt

Nam, như một cột mốc đánh dấu bước ngoặt cuộc chiến.

Vì tầm vóc của nó, nên 4 thập kỉ đã qua, giới nghiên cứu vẫn đề cập đến sự kiện này từ những góc độ khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ điểm qua bối cảnh lịch sử trước ngày lực lượng cách mạng miền Nam tiến công đồng loạt các vị trí then chốt của địch ở miền Nam. Đó là bối cảnh chủ quan, khách quan, trong nước và cả trên trường quốc tế.

\* ĐT: 84-4-8585284

E-mail: nguyendle2006@gmail.com



## 1. Về phía Hoa Kỳ và Sài Gòn

Cuối năm 1967, Hoa Kỳ và đồng minh đã có trên 52 vạn quân chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Hoa Kỳ đã sử dụng tất cả các loại vũ khí tối tân nhất, trừ nguyên tử. Hoa Kỳ đã huy động tối đa lực lượng không quân và hải quân (từ 50 đến 70% lực lượng không quân và hải quân) vào chiến tranh cục bộ ở Việt Nam. Có khoảng 2 triệu lượt thanh niên Mỹ đã được huy động sang chiến đấu ở miền Nam. Với lực lượng huy động như vậy nên trên nhiều bình diện, chiến tranh Hoa Kỳ đang theo đuổi đã vượt khỏi tầm vóc của cuộc chiến tranh cục bộ.

Về tài chính, Hoa Kỳ đã chi một khoản tiền khổng lồ vượt xa chi phí của các cuộc chiến trước đây. Trung bình hàng năm Wasinhton đã chi khoảng 30 tỷ đô la cho chính quyền Sài Gòn và đến năm 1967 đã chi tổng số khoảng 400- 500 tỷ.

Theo đuổi cuộc chiến ở Việt Nam, Wasinhton từng tính toán có thể nhanh chóng kết thúc chiến tranh trong vòng vài ba năm và thương vong của binh sỹ không lớn. Nhưng thực tế cay đắng hơn toan tính của họ. Hàng vạn binh sỹ Hoa Kỳ đã tử trận và hàng chục vạn người khác bị loại khỏi vòng chiến đấu. Tuy nhiên, dù đã nỗ lực cao nhất để theo đuổi chiến tranh ở Việt Nam dưới loại hình chiến tranh cục bộ, nhưng Mỹ đã sa lầy không lối thoát.

Trên chiến trường miền Nam, các chiến lược quân sự của Hoa Kỳ tỏ ra bất lực. Dù được coi là danh tướng, nhưng Westmorland đã "hết kế hoạch" và không có gì khác ngoài xin tăng quân và tăng quân, như dư luận Hoa Kỳ đã bình luận. Hơn thế nữa, trong năm 1967, mặt trận Đường 9 - Khe Sanh do đôi phương mở ra đã chôn vùi uy thế cuối cùng của đạo quân thiện chiến vào loại bậc nhất

thế giới lúc đó. Với dư luận Hoa Kỳ, cuộc chiến ở Khe Sanh xa xôi đã tước bỏ hết lí lẽ cuối cùng của các tướng tá Hoa Kỳ rằng, chiến tranh kéo dài bởi khó khăn nhất là không tìm được bộ đội chủ lực để tiêu diệt. Thật bất ngờ, chủ lực quân Giải phóng xuất hiện, tiến công dồn dập và vây chặt 6.000 lính thủy đánh bộ Mỹ tại thung lũng Khe Sanh. Khe Sanh trở thành địa ngục trần gian đối với đội quân lính thủy thiện chiến bậc nhất thế giới và Khe Sanh có nguy cơ trở thành một "Điện Biên Phủ" đối với Wasinhton! Đạo quân nổi tiếng chưa từng thua trận kể từ ngày lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã lún sâu vào vũng lầy Việt Nam. Chiến trường Việt Nam đã chôn vùi uy thế của quân đội Mỹ ngay tại Wasinhton cũng như trên trường quốc tế.

Nhìn phía khác của chiến lược chiến tranh cục bộ, việc Hoa Kỳ sử dụng máy bay ồ ạt đánh phá miền Bắc suốt 4 năm đã không mang lại hiệu quả. Dù mục tiêu đánh phá đã ở "mức bão hòa" nhưng 6 yêu cầu đánh phá miền Bắc của Hoa Kỳ không thực hiện được. Hệ thống đường chiến lược của miền Bắc vẫn phát triển và sức người, sức của của miền Bắc vẫn không ngừng chảy vào miền Nam. Thất bại này của Hoa Kỳ phải nhân đôi bởi hàng ngàn máy bay và phi công sừng sỏ nhất của không lực Hoa Kỳ bị bắn hạ trên miền Bắc.

Còn phía Sài Gòn vào năm 1967 được đánh giá là thể chế chính trị mục nát, xâu xé, tướng tá tham nhũng, quân phiệt, bất tài. Được phân nhiệm làm nhiệm vụ tuyến 2-bình định, nhưng bộ máy đàn áp, khủng bố của Sài Gòn hoàn toàn bất lực. Quân đội Sài Gòn được người Mỹ đánh giá chỉ thạo 2 việc là duyệt binh và làm đảo chính!

Trong khi đó, nội tình nước Mỹ không còn như 4 năm về trước. Trước hết, phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ đã bùng nổ mạnh mẽ, phát triển khắp mọi bang và lực



lượng tham gia ngày càng đông. Hè năm 1967, hơn 130 trường đại học ở Hoa Kỳ bị sinh viên đốt trụ sau vụ quân cảnh Hoa Kỳ bắn chết mấy nữ sinh biểu tình phản chiến. Nếu như năm 1964-1965, nhân dân dân Mỹ đấu tranh phản đối chiến tranh vì lí do nhân đạo, họ xuống đường vì thấy rằng một cường quốc hiện đại bậc nhất thế giới mang kỹ thuật quân sự tối tân chống một đất nước nông nghiệp, nên lương tâm người Mỹ thức tỉnh và động lực đấu tranh mang tính nhân văn, thì đến năm 1967 mục tiêu đấu tranh đã khác. Các cuộc đấu tranh giờ đây đã kết hợp giữa chống chiến tranh xâm lược Việt Nam do Wasinhton tiến hành quá dài, làm hao tổn nhân lực và tài chính đất nước, kết hợp với đấu tranh chống phân biệt chủng tộc. Vì thế, từ đầu năm 1967, phong trào phản chiến của nhân dân Hoa Kỳ đã có lí do và sức mạnh mới và nó thật sự là một cuộc vận động cách mạng trong lòng xã hội Mỹ.

Các cuộc diễu hành khổng lồ trong năm 1967 được dẫn đầu bằng các cựu chiến binh Mỹ từng tham chiến ở Việt Nam càng làm cho các cơ quan lập pháp, tư pháp và hành Pháp vô cùng bối rối.

Về tài chính, chiến tranh Việt Nam đã tiêu tốn hàng trăm tỷ đô la; ngân khố quốc gia và vàng giảm sút; cuộc chiến hao người tốn của đã biến chương trình "xã hội vĩ đại" của Tổng thống Johnson thành mây khói.

Sự bế tắc từ cuộc chiến ở Việt Nam đã làm các cơ quan quyền lực và những người có vị thế hoạch định chính sách ở Việt Nam phân hoá, lục đục. Nếu như năm 1965, khi quyết định leo thang chiến tranh ở Việt Nam, chỉ có một quan chức cao cấp ở bộ Ngoại giao phản đối, thì đến năm 1967, tiếng nói xuống thang chiến tranh ở Việt Nam của các thượng và hạ nghị sĩ trong quốc hội và các quan chức cao cấp khác đã xuất hiện và có sức nặng ngày càng lớn. Điển hình nhất là Bộ trưởng quốc

phòng Robert M. McManamara - người từng chủ chiến trong việc mở rộng chiến tranh ở Việt Nam 4 năm về trước, đã đề nghị Tổng thống xuống thang chiến tranh, tìm giải pháp mới về vấn đề Việt Nam. Khi kiến nghị không được chấp nhận, Macnamara đã từ chức.

Diện mạo tổng thể của Hoa Kỳ đã khác trước. Đất nước bị xâu xé, chia rẽ là đánh giá chung của dư luận Hoa Kỳ vào thời điểm cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã đạt đỉnh điểm.

## 2. Về lực lượng cách mạng

### 2.1. Ở miền Nam

Vượt qua những khó khăn của mùa khô lần thứ nhất, đến mùa khô lần thứ 2 (1966-1967) thế và lực của cách mạng miền Nam đã trưởng thành mọi mặt. Trên các mặt trận, bộ đội chủ lực đã đứng chân đều khắp và đang làm lực lượng trụ cột cho cuộc chiến tranh nhân dân ở các địa phương phát triển. Cơ cấu lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam với 3 thứ quân, được xây dựng theo hình chóp nón đã bám trụ vững chắc trên cả 3 vùng chiến lược. Vùng giải phóng được củng cố, mở rộng. Theo đánh giá của cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ (CIA), đôi phương đã kiểm soát ít nhất 2/3 cư dân vùng nông thôn miền Nam, Sài Gòn chỉ kiểm soát được 1/3 vào ban ngày <sup>(1)</sup> [1]. Tiếp cận nội dung này ở cách tính khác, W.Scot Thomson và Donald D. Frizzell cho rằng Việt cộng đã kiểm soát 85% cuộc chiến tính đến trước tổng tiến công Tết 1968 [2].

Với phương châm chiến lược "2 chân, 3 mũi, 3 vùng", cuộc chiến tranh nhân dân ở miền Nam đã vào đỉnh cao. Với cuộc chiến tranh không phân tuyến, với phong trào đấu tranh chính trị sôi động đã dồn địch vào thế

<sup>(1)</sup> Tính toán này vào thời gian sau Tết Mậu thân.



bị động, lúng túng và buộc chúng phải tiến hành chiến đấu theo điều kiện và cách đánh của ta

Vìng giải phóng rộng lớn liên hoàn, lại có thể trận chiến tranh nhân dân vững chắc, lực lượng cách mạng miền Nam luôn giữ vững thế tiến công chiến lược. Trên toàn lãnh thổ miền Nam, không có nơi nào kẻ thù được an toàn. Ngay trong lòng đô thị, các sào huyệt của địch như Dinh Tổng thống, Tòa Đại sứ Hoa Kỳ được bảo vệ nghiêm ngặt cũng có thể bị lực lượng biệt động Sài Gòn tiến công. Cuộc chiến tranh nhân dân trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã kế tục và phát huy cao độ kinh nghiệm của Cách mạng Tháng 8 (1945) và của cuộc kháng chiến thần thánh lần thứ nhất (1945-1954).

Vào cuối mùa khô lần thứ 2, hơn nửa triệu quân Hoa Kỳ và mấy chục vạn quân Sài Gòn bị căng ra đôi phó trên mọi mặt trận. Đặc biệt, chiến trường Trị Thiên vừa mở đã hút bộ phận quan trọng chủ lực địch từ phía nam ra phía bắc. Chiến dịch Khe Sanh của lực lượng vũ trang cách mạng đã giam chân địch, trở thành trận nghi binh chiến lược, tạo thế cho toàn thể quân và dân ta ở miền Nam chủ động tấn công địch ở mùa khô lần thứ 3, là tiến công Xuân 1968: đưa chiến tranh vào thành phố.

## 2.2. Chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc

Dù các cuộc oanh kích, bắt phá của Hoa Kỳ làm miền Bắc gặp muôn vàn khó khăn, thiệt hại nhiều người và của, nhưng Hoa Kỳ đã trả giá rất đắt khi thực hiện chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. James P. Harrison có tính toán thú vị rằng, nhìn chung, trong chiến tranh không đối không, Hoa Kỳ đã luôn cố gắng đạt tỷ lệ vượt trội là 2,6/1 (nghĩa là tỷ lệ 2,6 không lực Hoa Kỳ chọi 1 máy bay đối phương); trong chiến tranh Triều Tiên, tỷ lệ

này là 10/1. Chi số này trong chiến tranh chống miền Bắc hoàn toàn đảo ngược. Bắc Việt chỉ có vài trăm Mig 17-19 chưa đến 100 Mig 21 với khoảng 300 bộ phóng tên lửa đất đối không, nhưng đã hạ khoảng 2.000 máy bay hiện đại nhất của Hoa Kỳ cùng với hàng ngàn phi công bị tử vong hoặc cầm tù. Những tổn thất của Hoa Kỳ khi đánh phá miền Bắc là to lớn, đến mức mà lực lượng không quân Hoa Kỳ từng lậm tiến và nhiều phương tiện chiến tranh vô cùng lớn cũng không thể chịu xiết. Đánh phá miền Bắc, đặc biệt vào vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng đã trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng của phi công Mỹ. Vùng tam giác đó được một số phi công Hoa Kỳ cho rằng có hỏa lực phòng không mạnh nhất thế giới. Sự thiếu hụt về phi công bởi bị bắn hạ trên bầu trời miền Bắc đã làm dư luận Hoa Kỳ hết sức lo ngại.

Đến cuối năm 1967, Hoa Kỳ đã leo đến nấc thang cao nhất trong kế hoạch bắn phá miền Bắc và như dư luận Hoa Kỳ đã nói, "mục tiêu đánh phá miền Bắc đã bị bão hòa" nhưng rốt cuộc không đạt được ý đồ của mình. Dù dùng nhiều thủ đoạn để ngăn chặn chi viện của miền Bắc cho miền Nam, nhưng hệ thống giao thông của miền Bắc không bị gián đoạn. Ít nhất có đến trên 60% tổng số đầu xe cơ giới xuất phát từ miền Bắc đến được chiến trường miền Nam. Có nghĩa là, miền Bắc cung cấp đủ người và của cho chiến trường và điều đó cuộc chiến tranh phá hoại của Hoa Kỳ đã thất bại.

Tóm lại, trên cả hai chiến trường, chiến lược chiến tranh cục bộ của Hoa Kỳ đã ở vào thế bế tắc. Trong khi đó, thế và lực của cách mạng Việt Nam lớn mạnh hơn bao giờ hết.

## 3. Từ bình diện quốc tế

Sa lầy trong chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ dần dần mất ưu thế của mình trên nhiều



địa hạt. Trước hết, ưu thế vũ khí hạt nhân dần dần tuột khỏi tay Hoa Kỳ. Liên Xô trong thời gian này đã từng bước vươn lên cân bằng vũ khí tiên công chiến lược và trên một số phương diện đã vượt qua mặt Hoa Kỳ.

Sự kiện tàu gián điệp của Hoa Kỳ bị Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên bắt giữ khi xâm phạm hải phận diễn ra khi Tổng thống Hoa Kỳ đang căng đầu về sự kiện Khe Sanh ở miền Nam nguy cơ dẫn đến một cuộc xung đột nữa ở bán đảo Triều Tiên ở qui mô như một Việt Nam mới.

Về kinh tế, cuộc chiến quá tốn kém của Hoa Kỳ đã tạo cơ hội cho một số nước phương Tây và Nhật Bản vươn lên cạnh tranh với hàng hoá Hoa Kỳ. Hoa Kỳ dần dần mất thị trường trên nhiều địa bàn và thậm chí còn bị hàng hoá Nhật Bản, Tây Đức cạnh tranh quyết liệt ngay tại Hoa Kỳ. Cho đến tận hôm nay, Hoa Kỳ còn phải trả giá về sai lầm này.

Về chính trị, vì theo đuổi cuộc chiến tranh phi nghĩa bằng những thủ đoạn tàn bạo, nên Hoa Kỳ bị cô lập trên trường quốc tế. Chính phủ và nhân dân nhiều nước thuộc thế giới thứ 3 và các nước không liên kết phản đối quyết liệt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Hoa Kỳ; Nhiều chính khách đứng đầu chính phủ ở phương Tây (Thụy Sĩ, Thụy Điển, Pháp...) trực tiếp lên tiếng phản đối Mỹ; một số chính trị gia khác bắt đầu xa lánh chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam; phong trào đấu tranh chống Mỹ phát triển khắp các nước Tây Âu. Một trung tâm phản chiến nằm ở Tây Âu ra đời ở Hà Lan...; một toà án quốc tế xét xử tội ác chiến tranh của Mỹ được thành lập.v.v... Có thể nói vào năm 1967, chỉ có chính phủ nước Anh còn ủng hộ Hoa Kỳ theo đuổi chiến tranh ở Việt Nam. Trên thực tế mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ, cứu nước đã hình thành.

Tóm lại, bối cảnh lịch sử trước Tết Mậu thân 1968 là cuộc chiến ở Việt Nam đã lên

đến đỉnh cao. Hoa Kỳ đã huy động tối đa nhân lực, phương tiện kĩ thuật chiến tranh và tài chính vào chiến lược chiến tranh cục bộ ở Việt Nam. Tuy nhiên, dù đã leo đến nấc thang cao nhất, nhưng trên hai mặt trận phía Nam và phía Bắc, mọi mục tiêu quân sự và ý đồ chính trị của Hoa Kỳ không thực hiện được. Theo đuổi cuộc chiến tranh tốn kém và sa lầy đã đẩy đế quốc khổng lồ vào khủng hoảng. Đây là những năm tháng quyết định tạo nên hiện tượng "hội chứng Việt Nam" trong xã hội Hoa Kỳ sau này. Càng thất bại trên chiến trường, phong trào phản chiến ở Mỹ càng tăng và Wasinh-ton càng bị thất thế, cô lập trên trường quốc tế.

Trong khi đó, cuộc chiến tranh nhân dân của nhân dân Việt Nam đã phát triển đến đỉnh cao. Dù khó khăn, ác liệt, tổn thất to lớn về người và của, nhưng cuộc chiến đấu của nhân dân ta ở cả hai miền vẫn phát triển không ngừng. Trên chiến trường chính, thế và lực của cách mạng miền Nam mạnh hơn bao giờ hết. Tại hậu phương, miền Bắc "vững như bàn thạch" như lời của Thủ tướng Phạm Văn Đồng đánh giá và miền Bắc đã dồn sức người, sức của cao nhất cho chiến trường. Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc đã làm phá sản chiến tranh leo thang của Hoa Kỳ. Về sau, khi nhớ lại thời điểm này, trong hồi ký của mình, Tổng thống Johnson xác nhận đây là thời gian căng thẳng, khó khăn nhất trong nhiệm kỳ Tổng thống của ông ta.

Trong bối cảnh đó, Trung ương Đảng hạ quyết tâm tiến hành cuộc tổng tiến công vào các đô thị, sào huyệt của địch ở miền Nam, đặng giành thắng lợi quyết định, mở bước ngoặt cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Cơ sở khoa học của quyết tâm đó chính là bối cảnh lịch sử của cuộc chiến tranh Việt Nam trước Tết Mậu thân 1968.



## Tài liệu tham khảo

- [1] James William Gribson, *The Perfect War: Technowar in Vietnam*, The Atlantic Monthly Press/Boston, USA, 1986.
- [2] W. Scoot Thomson, Donald D. Frizzell, *The lessons of Vietnam*, St. Martin's Press, USA, 1977.
- [3] Jayne S. Werner, Luu Doan Huynh, *The Vietnam War, Vietnamese and American*, Armonk, New York Press, USA, 1993.

# Historical background of Tet offensive

Nguyen Dinh Le

*Department of History, College of Social Sciences and Humanities, VNU  
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

By the end of 1967, Vietnamese had gone through two dry seasons of the enemy's strategic counterattacks and defeating a force of more than half million U.S - Allied troops. By that time, MACV's strategy in the South was crisis and General Westmorland had no plan for the war - as United States' public opinion pointed out, except asking for reinforce.

In the North of Vietnam during Operation Rolling Thunder (1965-1968) an average of 800 tons of bombs a day were dropped. In the whole country, the bombing escalated from 300,000 tons in 1965 against all targets, to over 1 million tons in 1966 and over 2 million tons in 1967. However, the US' bombing was not prevented reinforcements from the North to the South.

The antiwar had taken place since 1965 and reached the peak by late 1967 with many US' veterans contributed to the movement. And in the bad circumstances of the war in Vietnam led to separate in to parts of political leaders in Washington. And Secretary of Defence R. Macnamara dissented from the way that JCS (Joint Chief of Staff) solved the Vietnam war. He sent his resignation when his proposal withdrawal US' troops from Vietnam was refused.

In the fall of 1967, White House tried to keep the rhythm of the war going down as the voting of presidency was coming soon.

In short way, in the turning point between 1967-1968 was the difficult time for USA invader and it was opportunity for the revolutionary force decided to against USA's troop by a general offensive in the South: Tet offensive.